

Phụ lục 1.5. Số lượng tiết học các môn học và hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học 2025-2026. Khối 4

HỌC KÌ I

STT	MÔN/ TUẦN	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	T13	T14	T15	T16	T17	T18	TIẾT/ MÔN
1. MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC BẮT BUỘC																				
1	Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	8	5	8	126
2	Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	6	90
3	Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
4	Khoa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	1	2	36
5	Lịch sử- Địa lí	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
6	Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
7	GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	2	1	2	36
8	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
9	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
10	Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
11	Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	1	5	70
12	HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
	Tổng	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	31	32	25	32	540
2. MÔN HỌC TỰ CHỌN, BỔ TRỢ																				
1	Toán bổ sung	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	0	15
2	Tiếng Việt bổ sung	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	0	0	14
	Tổng	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	0	0	0	29

Tổng số tiết/ tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	25	32	576
3. CÁC MÔN HỌC LIÊN KẾT																			
1	Tiếng Anh NN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
2	Kĩ năng sống	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
	Tổng	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54

Phụ lục 1.5. Số lượng tiết học các môn học và hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học 2025-2026. Khối 4

HỌC KÌ II

STT	MÔN/ TUẦN	T19	T20	T21	T22	T23	T24	T25	T26	T27	T28	T29	T30	T31	T32	T33	T34	T35	
1. MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC BẮT BUỘC																			
1	Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	8	8	8	8	1	8	8	119
2	Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	6	6	6	5	5	2	5	5	85
3	Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	2	1	17
4	Khoa học	2	2	2	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2	0	2	3	34
5	Lịch sử- Địa lí	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	1	2	2	34
6	Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
7	GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	34
8	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1	0	1	1	17
9	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	17
10	Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
11	Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	6	4	4	4	4	4	4	2	4	4	68
12	HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	4	3	3	3	4	3	1	3	3	51

	Tổng	30	30	30	30	30	30	31	32	32	32	32	32	32	32	11	32	32		510
2. MÔN HỌC TỰ CHỌN, BỔ TRỢ																				
1	Toán bổ sung	1	1	1	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		7
2	Tiếng Việt bổ sung	1	1	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		6
	Tổng	2	2	2	2	2	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		13
Tổng số tiết/ tuần		32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	11	32	32		523
3. CÁC MÔN HỌC LIÊN KẾT																				
1	Tiếng Anh NN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		17
2	Kĩ năng sống	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		34
	Tổng	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		51

XÁC NHẬN CỦA BAN GIÁM HIỆU

KHÔI TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lê Văn Dự

Bùi Thị An